

MARKET LENS

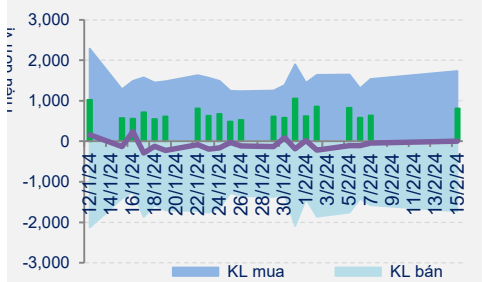
Phiên giao dịch ngày: 15/2/2024

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

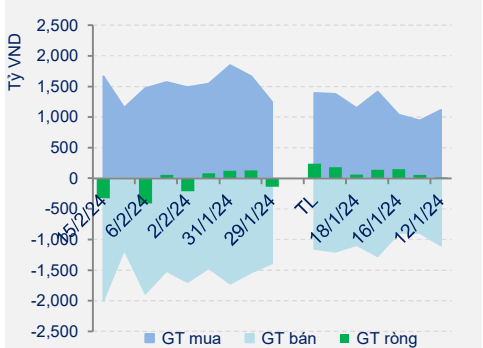
| Thống kê thị trường | HOSE | HNX |
|---------------------|---------------|-------------|
| Index | 1,202.50 | 232.75 |
| % Thay đổi | ↑ 0.33% | ↑ 0.74% |
| KLGD (CP) | 809,025,375 | 61,275,508 |
| GTGD (tỷ đồng) | 19,339.91 | 1,289.03 |
| Tổng cung (CP) | 1,726,905,199 | 117,136,400 |
| Tổng cầu (CP) | 1,732,748,231 | 95,792,800 |

| Giao dịch NĐTNN | HOSE | HNX |
|-------------------|------------|-----------|
| KL bán (CP) | 60,530,932 | 3,643,314 |
| KL mua (CP) | 63,813,553 | 2,023,020 |
| GT mua (tỷ đồng) | 1,666.95 | 58.02 |
| GT bán (tỷ đồng) | 1,994.59 | 87.00 |
| GT ròng (tỷ đồng) | (327.64) | (28.98) |

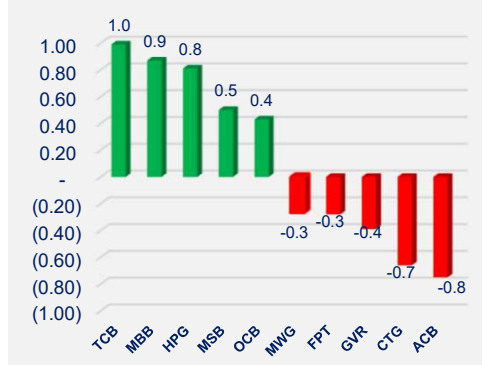
Tương quan cung cầu



Giá trị Giao dịch NĐTNN



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Thị trường phiên giao dịch sau kỳ nghỉ lễ Tết Nguyên Đán diễn ra với tâm lý khá tích cực khi VN-INDEX đầu phiên tăng điểm mạnh vượt mốc tâm lý 1.200 điểm và hướng đến vùng giá cao nhất năm 2018 tương ứng quanh 1.211 điểm với thanh khoản giá tăng mạnh khá đột biến trong phiên sáng. VN-INDEX sau đó chịu áp lực điều chỉnh rung lắc khá mạnh về vùng giá 1.200 điểm và kết phiên ở mức 1.202,50 tăng 3,97 điểm (+0,33%). HNX-INDEX tăng tốt hơn 1,71 điểm (+0,74%) lên mức 232,75 điểm. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết duy trì tích cực, lạc quan với 427 mã tăng giá (17 mã tăng trần), 209 mã giảm giá (06 mã giảm sàn) và 148 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 20.620 tỷ đồng giao dịch, tăng khá mạnh 23,56% so với phiên trước, vượt mức trung bình. Thị trường phân hóa tích cực, lực cầu, dòng tiền ngắn hạn luân chuyển liên tục ở các mã, nhóm mã tuy nhiên áp lực bán giá cao vẫn đang gia tăng ở nhiều mã đã tăng giá mạnh. Khối ngoại gia tăng giao dịch, bán ròng khá mạnh trên HOSE với giá trị 327,58 tỷ đồng, tập trung bán ròng ở nhóm ngân hàng, tiếp tục bán ròng trên HNX với giá trị 28,98 tỷ đồng.

Theo dữ liệu được Bộ Lao Động Hoa Kỳ công bố Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2024 của Mỹ tăng 0,3% so với tháng 12/2023 và tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn dự báo. CPI cơ bản tăng 0,4% so với tháng trước và 3,9% so với một năm trước so với dự báo trước đó lần lượt là 0,3% và 3,7%. Khả năng cắt giảm lãi suất sớm thấp hơn tạo áp lực lên thị trường tài chính khi theo CME FedWatch Tool, chỉ còn 34% nhà đầu tư trên thị trường cho rằng Fed sẽ cắt giảm lãi suất vào tháng 5, giảm từ mức 52% một ngày trước.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục là động lực dẫn dắt thị trường khi đa số mã tiếp tục tăng điểm mạnh đầu phiên, tuy nhiên mức độ phân hóa cao hơn, nhiều mã chịu áp lực bán ngắn hạn sau giai đoạn tăng mạnh trong tình trạng quá mua ngắn hạn với thanh khoản gia tăng như ACB (-2,86%), CTG (-1,41%)... trong khi nhiều mã vẫn tăng giá mạnh vượt vùng đỉnh cũ, thanh khoản đột biến nổi bật như MSB (+6,74%), NVB (+5,56%), OCB (+5,30%), TCB (+2,95%)...

Nhóm cổ phiếu thép, vật liệu xây dựng cũng có diễn biến khá nổi bật khi nhiều mã vượt vùng giá đỉnh cũ, thanh khoản đột biến nổi bật như VGS (+2,21%), HPG (+1,95%)... KSB (+2,92%), VLB (+1,65%)... dệt may với GIL (+6,94%), MSH (+3,03%)... thể hiện dòng tiền xoay vòng tốt với nhiều cơ hội tăng giá khi VN-INDEX vượt lên vùng giá tâm lý 1.200 điểm.

Các cổ phiếu nhóm bất động sản cũng có diễn biến tích cực, hầu hết tăng điểm mạnh với thanh khoản gia tăng tốt như FIR (+6,93%), QCG (+4,76%), ITC (+1,78%), DXG (+1,63%)... ngoài các mã chịu áp lực điều chỉnh cuối phiên PDR (-1,16%), NLG (-1,13%), TIG (-0,83%)... thể hiện mức độ phân hóa.

Trong khi đó các cổ phiếu nhóm bất động sản khu công nghiệp, cao su sau giai đoạn tăng giá mạnh đa số chịu áp lực bán ngắn hạn trong vùng quá mua ngắn hạn mạnh với SIP (-2,50%), SZC (-2,24%), GVR (-1,58%), DPR (-1,16%)... ngoài các mã vẫn tăng giá như DTD (+1,79%), PHR (+0,75%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 giảm 1,2 điểm (-0,10%) trong ngày đảo hạn phái sinh kỳ hạn VN30F2402. Thị trường bắt đầu chuyển sang kỳ hạn chính VN30F2403 ở mức 1.226,4 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 9,28 điểm đến 3,88 điểm so với VN30. Mức chênh lệch dương gia tăng so với VN30, cho thấy các trader vẫn rất lạc quan về xu hướng tăng của VN30, ưu tiên vị thế mua ngắn hạn.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Phiên khởi đầu năm Giáp Thìn thị trường tiếp tục vận động tích cực trong nhịp tăng ngắn hạn của kênh tích lũy trung hạn, chốt phiên Vn-Index vượt qua cản tâm lý ngắn hạn 1.200 điểm để tiến vào vùng trên của kênh tích lũy. Chốt phiên VnIndex tăng +3,97 điểm (+0,33%) và chốt phiên ở 1.202,50 điểm. Chúng tôi kỳ vọng VnIndex sẽ còn tiếp tục vận động tích cực tuy nhiên ngắn hạn rất có thể sẽ có rung lắc để test lại ngưỡng cản 1.200 điểm. Với quan điểm tích cực chúng tôi cho rằng xu hướng của thị trường vẫn tích cực dù có thể có rung lắc, mục tiêu của nhịp tăng ngắn hạn có thể hướng tới quanh 1.250 điểm.

Về góc nhìn trung hạn, sau giai đoạn thị trường giảm sâu thì thị trường cần vận động để tiến tới vùng cân bằng mới và tích lũy lại, với biên độ dao động rộng nên thời gian hình thành nền mới sẽ kéo dài. Với những vận động của VnIndex trong thời gian qua xác nhận VnIndex đang dần vận động để hình thành kênh tích lũy rộng trung hạn 1.150 điểm - 1.250 điểm.

Thị trường vận động tích cực và VnIndex đã vượt lên trên cản tâm lý ngắn hạn 1.200 điểm như chúng tôi đã kỳ vọng và dự báo, chúng tôi cũng đã có khuyến nghị cho những nhà đầu tư ngắn hạn tích cực giải ngân trong các phiên vừa qua. Hiện tại thị trường khả năng sẽ có rung lắc trong thời gian tới, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư ngắn hạn không nên mua đuổi. Với nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường đang dần củng cố và hình thành nền tảng tích lũy nhưng quá trình này sẽ kéo dài, nhà đầu tư trung dài hạn nếu bám sát các bản tin của chúng tôi thì gần như đã cơ cấu xong danh mục ổn định, nếu muốn giải ngân thêm nên chờ đợi các giai đoạn điều chỉnh của thị trường.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: n giao dịch ngày:

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

| MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Vùng mua dự kiến (1.000 đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Thông số cơ bản | | | Điều kiện giải ngân |
|-----|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| | | | | | P/E | T.trưởng Doanh thu | T.trưởng Lợi nhuận | |
| DPM | 34.00 | 31-33 | 38-39 | 29 | 25.0 | -13.3% | -90.6% | Theo dõi giải ngân |
| FOX | 60.71 | 57-59 | 67-69 | 53 | 12.6 | 4.9% | 15.2% | Theo dõi giải ngân |
| DPR | 33.95 | 31-32 | 36-37 | 29 | 14.3 | 6.6% | 61.9% | Theo dõi giải ngân |
| DCM | 34.00 | 31-32 | 36-37 | 30 | 16.3 | -20.0% | -50.7% | Theo dõi giải ngân |
| VCS | 61.80 | 58-60 | 68-69 | 55 | 11.7 | -6.0% | 14.5% | Theo dõi giải ngân |
| PVD | 28.60 | 27.5-28.3 | 31-32 | 26 | 27.4 | 19.8% | 262.1% | Theo dõi giải ngân |
| PVS | 37.40 | 36.8-37.8 | 40-41 | 35 | 20.6 | 27.9% | -44.8% | Theo dõi giải ngân |

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

| Ngày mở vị thế | MÃ | Giá hiện tại (1.000đ) | Giá mua (1.000đ) | Giá mục tiêu (1.000 đ) | Giá dừng lỗ (1.000đ) | Hiệu quả đầu tư (%) | Cập nhật Vị thế/trạng thái |
|----------------|-----|-----------------------|------------------|------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|
| 1/11/2023 | BVS | 26.30 | 22.3 | 28-28.5 | 25 | 17.9% | Nắm giữ |
| 8/11/2023 | PHR | 54.00 | 45.1 | 56-58 | 51 | 19.7% | Nắm giữ |
| 20/12/2023 | PVD | 28.60 | 27.55 | 30-31 | 27.5 | 3.8% | Nắm giữ |
| 27/12/2023 | TNH | 19.30 | 18.09 | 23-24 | 19 | 6.7% | Nắm giữ |



TIN VĨ MÔ

Gần 7,4 nghìn tỷ đồng TPDN được mua lại trong tháng 1/2024

Theo dữ liệu Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA) tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày 02/02/2024, có 2 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trị giá 1,65 nghìn tỷ đồng và 1 đợt phát hành ra công chúng trị giá 2 nghìn tỷ đồng trong tháng 01/2024. So với các tháng trước, giá trị phát hành đã sụt giảm đáng kể từ mức trung bình khoảng 43 nghìn tỷ đồng, tương đương giảm 91%. Các đợt phát hành có lãi suất trung bình 10,7%/năm, kỳ hạn trung bình là 5,25 năm.

Giá xăng lên sát 24.000 đồng một lít

Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 650 đồng, lên mức 23.910 đồng một lít; E5 RON 92 tăng 710 đồng, lên 22.830 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng tăng giá và có giá mới là 15.900-21.360 đồng một lít so với cách đây 7 ngày.

TIN DOANH NGHIỆP**ITA có lãi trở lại trong năm 2023**

Theo đó, CTCP Đầu tư và Công nghiệp Tân Tạo lãi ròng trở lại trong năm 2023 với gần 202 tỷ đồng. Trong năm 2022, ITA phải ghi nhận khoản hàng bán bị trả lại gần 2.2 nghìn tỷ đồng do bị buộc phải thanh lý hợp đồng thuê đất dài hạn liên quan đến Trung tâm Điện lực Kiên Lương đối với CTCP Phát triển Năng lượng Tân Tạo (TEDC). Kết quả là Công ty bị âm doanh thu thuần hơn 1,5 nghìn tỷ đồng

Chứng khoán TVB lãi 63 tỷ đồng năm 2023

CTCP Chứng khoán Trí Việt chuyển từ lỗ sau thuế 318 tỷ đồng năm trước thành lãi hơn 63 tỷ đồng trong năm 2023. Ngoài kết quả kinh doanh khả quan hơn năm trước, cổ phiếu TVB được chuyển từ diện hạn chế giao dịch sang diện kiểm soát từ ngày 19/01/2024, do tổ chức niêm yết đã khắc phục được tình trạng chứng khoán bị hạn chế giao dịch. Tuy nhiên, TVB vẫn còn trong diện bị cảnh báo (từ ngày 27/06/2023) do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại BCTC năm 2022 đã kiểm toán của tổ chức niêm yết là số âm và tổ chức kiểm toán có ý kiến ngoại trừ đối với BCTC năm 2022 đã được kiểm toán.

Thủy sản Minh Phú lỗ kỷ lục năm 2023

Năm 2023, MPC đạt doanh thu thuần 10,689 tỷ đồng, giảm 35% so với năm trước. Lãi gộp ở mức 1,066 tỷ đồng, tương ứng biên lãi gộp khoảng 10%, thấp hơn so với mức 17% năm trước. Đáng chú ý, doanh thu hoạt động tài chính năm 2023 đi lùi gần 56%, còn 98 tỷ đồng. Chi phí tài chính cũng giảm 31%, ghi nhận 249 tỷ đồng, nhưng chi phí lãi vay lại tăng gần 65% so với năm trước, lên 141 tỷ đồng. Sau khấu trừ chi phí bán hàng (738 tỷ đồng) và chi phí quản lý doanh nghiệp (297 tỷ đồng), MPC báo lỗ ròng 98 tỷ đồng.

QCG báo lãi thấp nhất trong 11 năm

Với mức lãi ròng chỉ hơn 12 tỷ đồng trong năm 2023, CTCP Quốc Cường Gia Lai có năm báo lãi thấp nhất trong vòng 11 năm trở lại đây (từ năm 2013). Doanh thu thuần cả năm 2023 của QCG chỉ ghi nhận hơn 432 tỷ đồng, giảm 66% so với năm trước. Bên cạnh đó, doanh thu từ hoạt động tài chính (lãi tiền gửi) cũng giảm đến 94%, chỉ còn hơn 600 triệu đồng. Dù chi phí lãi vay và chi phí bán hàng được tiết giảm đáng kể nhưng QCG chỉ lãi ròng hơn 12 tỷ đồng, giảm 46%. So với kế hoạch lãi trước thuế 50 tỷ đồng của năm 2023, QCG chỉ mới thực hiện hơn 18% con số đề ra.

Lãi ròng DTD cao nhất từ khi niêm yết

Lũy kế cả năm 2023, DTD ghi nhận doanh thu thuần gần 786 tỷ đồng và lãi ròng hơn 213 tỷ đồng, lần lượt tăng 35% và 101% so với năm 2022. Đây cũng là năm DTD có lãi ròng cao nhất kể từ khi niêm yết trên HNX năm 2017.

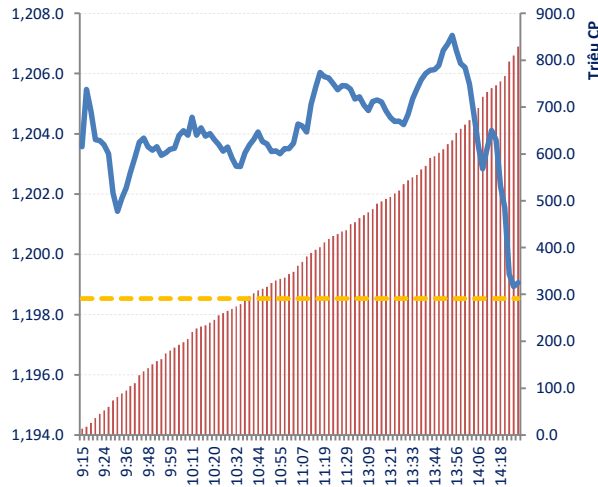
Ủy ban Chứng khoán chấp thuận phương án phát hành 1.300 tỷ của Hoàng Anh Gia Lai

Ủy ban chứng khoán Nhà nước vừa chấp thuận cho Hoàng Anh Gia Lai (HAGL, HAG) phát hành riêng lẻ 130 triệu cổ phiếu. Trong 10 ngày diễn ra đợt chào bán, HAGL phải gửi báo cáo kèm theo xác nhận của ngân hàng nơi mở tài khoản phong tỏa số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCK.

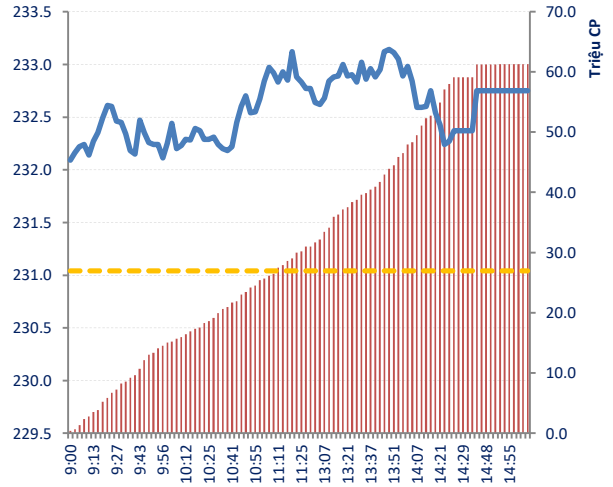


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

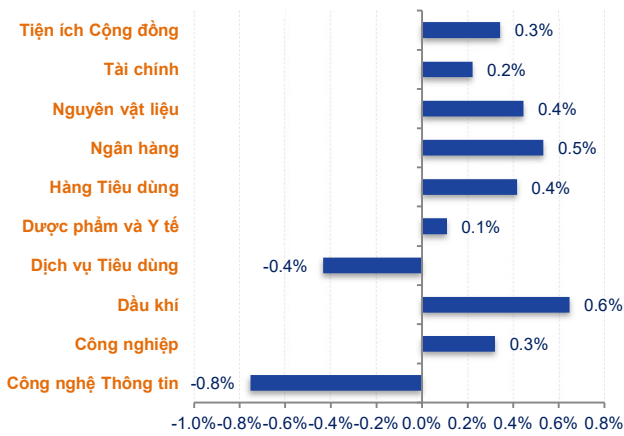
KLGD và VN-Index trong phiên



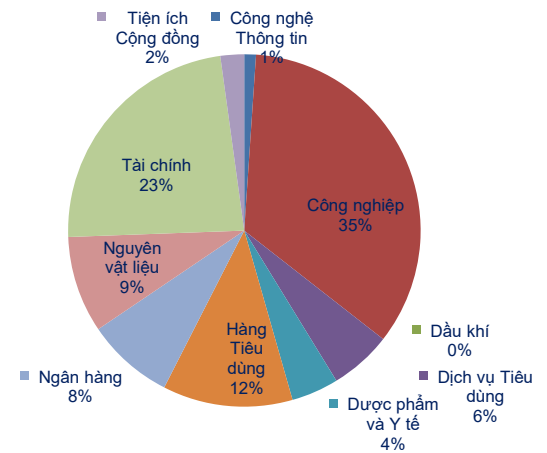
KLGD và HNX-Index trong phiên



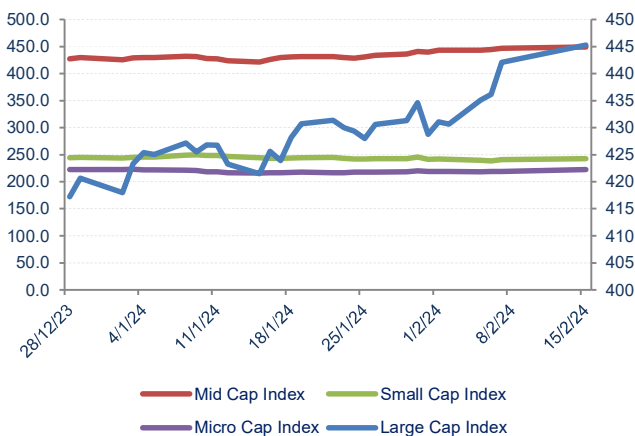
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



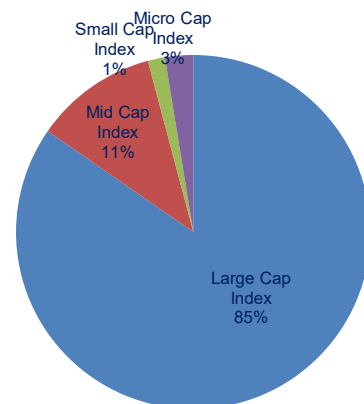
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

| TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng | TT | Mã CK | KL mua ròng | Mã CK | KL bán ròng |
|----|-------|-------------|-------|-------------|----|-------|-------------|-------|-------------|
| 1 | MSB | 8,259,500 | VRE | 2,936,758 | 1 | IDC | 396,620 | SHS | 1,136,500 |
| 2 | CII | 4,428,500 | VIX | 2,672,200 | 2 | DTD | 192,992 | PVS | 565,675 |
| 3 | HPG | 3,994,248 | CTG | 2,591,779 | 3 | VGS | 129,900 | BVS | 414,700 |
| 4 | HHV | 2,200,300 | PDR | 2,220,000 | 4 | IDJ | 69,700 | MBS | 302,350 |
| 5 | GEX | 1,785,900 | VNM | 1,947,287 | 5 | L14 | 39,100 | VC7 | 45,100 |

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | % | KLGD |
|-----|------------|----------|---------|------------|-----|------------|----------|----------|------------|
| SHB | 11.65 | 11.90 | ↑ 2.15% | 48,133,100 | SHS | 17.60 | 17.90 | ↑ 1.70% | 11,202,017 |
| MSB | 14.10 | 15.05 | ↑ 6.74% | 38,350,400 | CEO | 21.10 | 21.30 | ↑ 0.95% | 7,445,165 |
| HPG | 28.15 | 28.70 | ↑ 1.95% | 37,489,800 | PVS | 37.60 | 37.40 | ↓ -0.53% | 4,819,310 |
| NVL | 17.30 | 17.50 | ↑ 1.16% | 26,546,900 | HUT | 18.90 | 19.10 | ↑ 1.06% | 4,473,773 |
| TPB | 18.50 | 18.85 | ↑ 1.89% | 25,897,301 | MBS | 27.00 | 27.10 | ↑ 0.37% | 2,787,788 |

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|------|---------|-----|------------|----------|------|---------|
| CRC | 6.74 | 7.21 | 0.47 | ↑ 6.97% | PGN | 7.10 | 7.80 | 0.70 | ↑ 9.86% |
| TDW | 43.75 | 46.80 | 3.05 | ↑ 6.97% | VNT | 33.60 | 36.90 | 3.30 | ↑ 9.82% |
| PNC | 9.20 | 9.84 | 0.64 | ↑ 6.96% | X20 | 10.20 | 11.20 | 1.00 | ↑ 9.80% |
| TCT | 22.30 | 23.85 | 1.55 | ↑ 6.95% | MKV | 10.20 | 11.20 | 1.00 | ↑ 9.80% |
| GIL | 28.80 | 30.80 | 2.00 | ↑ 6.94% | TVC | 7.20 | 7.90 | 0.70 | ↑ 9.72% |

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

| Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % | Mã | Giá TC (*) | Giá đóng | +/- | % |
|-----|------------|----------|-------|----------|-----|------------|----------|-------|-----------|
| ST8 | 11.90 | 11.10 | -0.80 | ↓ -6.72% | RCL | 13.00 | 11.70 | -1.30 | ↓ -10.00% |
| GTA | 14.95 | 13.95 | -1.00 | ↓ -6.69% | CAN | 60.00 | 54.00 | -6.00 | ↓ -10.00% |
| TIX | 35.50 | 33.20 | -2.30 | ↓ -6.48% | HMH | 15.40 | 14.00 | -1.40 | ↓ -9.09% |
| LGC | 60.00 | 56.40 | -3.60 | ↓ -6.00% | KTT | 4.50 | 4.10 | -0.40 | ↓ -8.89% |
| PAC | 31.75 | 30.60 | -1.15 | ↓ -3.62% | TXM | 4.70 | 4.30 | -0.40 | ↓ -8.51% |

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|------|-----|
| SHB | 48,133,100 | 16.1% | 2,064 | 5.6 | 0.8 |
| MSB | 38,350,400 | 16.0% | 2,322 | 6.1 | 0.9 |
| HPG | 37,489,800 | 6.9% | 1,175 | 23.9 | 1.6 |
| NVL | 26,546,900 | 1.8% | 413 | 41.9 | 0.7 |
| TPB | 25,897,301 | 13.7% | 2,019 | 9.2 | 1.2 |

Top KLGD lớn nhất HNX

| Mã | KLGD | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------------|-------|-------|-------|-----|
| SHS | 11,202,017 | 5.7% | 688 | 25.6 | 1.4 |
| CEO | 7,445,165 | 3.1% | 408 | 51.7 | 1.7 |
| PVS | 4,819,310 | 6.6% | 1,812 | 20.7 | 1.3 |
| HUT | 4,473,773 | 0.6% | 82 | 230.8 | 1.5 |
| MBS | 2,787,788 | 12.3% | 1,334 | 20.2 | 2.3 |

Top Đột biến giá HOSE

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|-------|------|-----|
| CRC | ↑ 7.0% | 7.3% | 942 | 7.2 | 0.5 |
| TDW | ↑ 7.0% | 22.4% | 6,166 | 7.1 | 1.6 |
| PNC | ↑ 7.0% | 6.9% | 1,091 | 8.4 | 0.6 |
| TCT | ↑ 7.0% | 5.7% | 1,450 | 15.4 | 0.9 |
| GIL | ↑ 6.9% | 1.1% | 395 | 72.9 | 0.8 |

Top Đột biến giá HNX

| Mã | +/-% | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|--------|-------|---------|------|-----|
| PGN | ↑ 9.9% | 5.0% | 552 | 12.9 | 0.6 |
| VNT | ↑ 9.8% | -8.5% | (1,022) | - | 2.6 |
| X20 | ↑ 9.8% | 7.7% | 1,145 | 8.9 | 0.7 |
| MKV | ↑ 9.8% | 8.1% | 1,240 | 8.2 | 0.6 |
| TVC | ↑ 9.7% | 15.1% | 2,111 | 3.4 | 0.5 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|-----------|-------|-------|------|-----|
| MSB | 8,259,500 | 16.0% | 2,322 | 6.1 | 0.9 |
| CII | 4,428,500 | 2.2% | 683 | 26.9 | 0.7 |
| HPG | 3,994,248 | 6.9% | 1,175 | 23.9 | 1.6 |
| HHV | 2,200,300 | 3.7% | 948 | 16.4 | 0.7 |
| GEX | 1,785,900 | 1.6% | 389 | 55.3 | 0.9 |

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

| Mã | KL mua | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| IDC | 396,620 | 22.6% | 4,221 | 13.3 | 3.0 |
| DTD | 192,992 | 19.5% | 4,328 | 6.5 | 1.1 |
| VGS | 129,900 | 6.1% | 1,090 | 20.7 | 1.2 |
| IDJ | 69,700 | 5.8% | 671 | 8.8 | 0.5 |
| L14 | 39,100 | 5.8% | 785 | 52.4 | 3.0 |

Top Vốn hóa HOSE

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VCB | 503,018 | 21.7% | 5,910 | 15.2 | 3.0 |
| BID | 279,036 | 19.0% | 3,781 | 12.9 | 2.3 |
| CTG | 190,635 | 17.0% | 3,723 | 9.5 | 1.5 |
| VHM | 182,013 | 20.0% | 7,607 | 5.5 | 1.0 |
| GAS | 173,863 | 18.4% | 5,053 | 15.0 | 2.7 |

Top Vốn hóa HNX

| Mã | Vốn hóa | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| IDC | 18,480 | 22.6% | 4,221 | 13.3 | 3.0 |
| PVS | 17,972 | 6.6% | 1,812 | 20.7 | 1.3 |
| HUT | 16,868 | 0.6% | 82 | 230.8 | 1.5 |
| SHS | 14,312 | 5.7% | 688 | 25.6 | 1.4 |
| THD | 13,590 | 3.0% | 470 | 75.1 | 2.2 |

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| GEX | 2.52 | 1.6% | 389 | 55.3 | 0.9 |
| CTS | 2.47 | 9.6% | 1,261 | 24.8 | 2.3 |
| VIX | 2.46 | 11.6% | 1,444 | 12.5 | 1.4 |
| FCN | 2.45 | -0.3% | (68) | - | 0.7 |
| FTS | 2.32 | 12.7% | 2,074 | 23.5 | 2.9 |

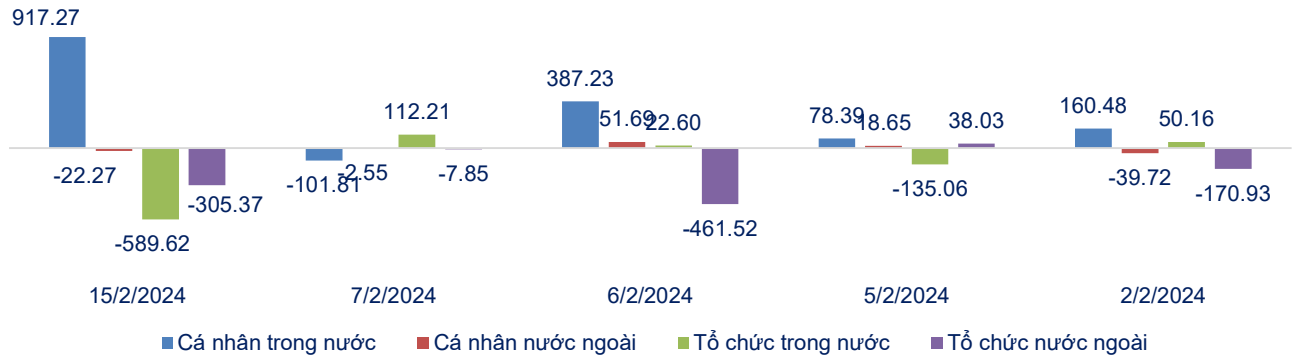
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

| Mã | Beta | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|------|-------|-------|------|-----|
| VC7 | 2.72 | 3.6% | 496 | 24.6 | 1.1 |
| SHS | 2.40 | 5.7% | 688 | 25.6 | 1.4 |
| VIG | 2.34 | 9.6% | 685 | 11.1 | 1.0 |
| IVS | 2.19 | 3.6% | 390 | 26.2 | 0.9 |
| MBS | 2.18 | 12.3% | 1,334 | 20.2 | 2.3 |



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VNM | 156.74 | 26.2% | 4,248 | 15.9 | 4.0 |
| ACB | 118.06 | 24.8% | 4,131 | 6.8 | 1.5 |
| MWG | 106.69 | 0.7% | 115 | 406.7 | 2.9 |
| CTG | 105.33 | 17.0% | 3,723 | 9.5 | 1.5 |
| VRE | 81.58 | 12.4% | 1,940 | 11.3 | 1.3 |

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSB | -128.21 | 16.0% | 2,322 | 6.1 | 0.9 |
| CII | -82.30 | 2.2% | 683 | 26.9 | 0.7 |
| HPG | -78.79 | 6.9% | 1,175 | 23.9 | 1.6 |
| GEX | -66.72 | 1.6% | 389 | 55.3 | 0.9 |
| HHV | -39.33 | 3.7% | 948 | 16.4 | 0.7 |

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| VHM | 8.08 | 20.0% | 7,607 | 5.5 | 1.0 |
| SAB | 7.91 | 16.4% | 3,210 | 18.0 | 2.9 |
| PC1 | 3.13 | 1.9% | 439 | 68.2 | 1.3 |
| HHV | 1.59 | 3.7% | 948 | 16.4 | 0.7 |
| PDR | 1.54 | 7.3% | 1,007 | 29.8 | 2.3 |

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| FPT | -32.99 | 23.4% | 5,105 | 20.5 | 4.4 |
| FUESSVFL | -4.97 | N/A | N/A | N/A | N/A |
| DSN | -2.06 | 39.7% | 9,320 | 5.9 | 2.1 |
| HPG | -1.97 | 6.9% | 1,175 | 23.9 | 1.6 |
| GAS | -1.54 | 18.4% | 5,053 | 15.0 | 2.7 |

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|----------|---------|-------|-------|------|-----|
| GEX | 27.43 | 1.6% | 389 | 55.3 | 0.9 |
| VCI | 24.06 | 7.1% | 1,127 | 40.0 | 2.7 |
| AAA | 21.92 | 4.8% | 761 | 14.1 | 0.7 |
| KBC | 17.39 | 10.5% | 2,600 | 12.0 | 1.2 |
| FUESSVFL | 14.92 | N/A | N/A | N/A | N/A |

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| ACB | -118.06 | 24.8% | 4,131 | 6.8 | 1.5 |
| NVL | -54.83 | 1.8% | 413 | 41.9 | 0.7 |
| VPB | -52.36 | 8.3% | 1,445 | 13.6 | 1.1 |
| VSC | -45.15 | 3.9% | 893 | 24.9 | 1.3 |
| MBB | -44.61 | 23.5% | 3,966 | 5.9 | 1.3 |

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|------|-----|
| MSB | 123.24 | 16.0% | 2,322 | 6.1 | 0.9 |
| HPG | 116.58 | 6.9% | 1,175 | 23.9 | 1.6 |
| CII | 84.65 | 2.2% | 683 | 26.9 | 0.7 |
| GEX | 39.54 | 1.6% | 389 | 55.3 | 0.9 |
| HHV | 33.37 | 3.7% | 948 | 16.4 | 0.7 |

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

| Mã | GT (tỷ) | ROE | EPS | P/E | P/B |
|-----|---------|-------|-------|-------|-----|
| VNM | -131.68 | 26.2% | 4,248 | 15.9 | 4.0 |
| CTG | -92.03 | 17.0% | 3,723 | 9.5 | 1.5 |
| MWG | -84.19 | 0.7% | 115 | 406.7 | 2.9 |
| PDR | -67.68 | 7.3% | 1,007 | 29.8 | 2.3 |
| VRE | -64.64 | 12.4% | 1,940 | 11.3 | 1.3 |

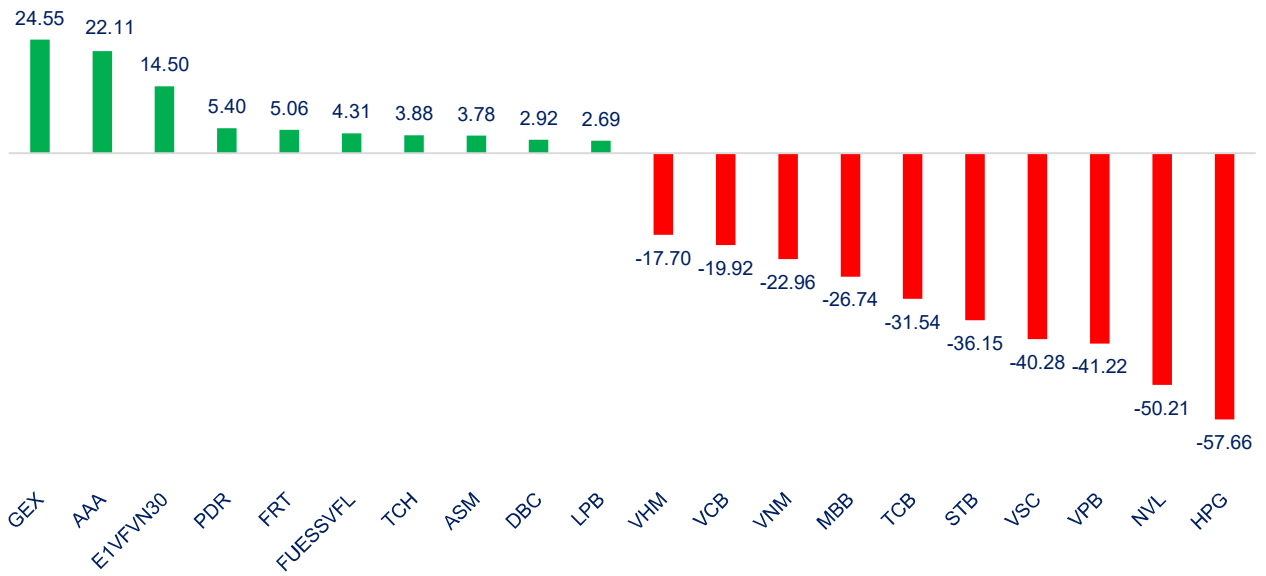


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn